TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỮU LŨNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày 23-01-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thảo Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Lê Xuân Nghiêm

2. Bà Phan Thị Toán

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Khánh Ly, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Hiển - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 163/2024/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 10 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị D, sinh năm 1984, địa chỉ: thôn VM, xã M, huyện HL, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983; hộ khẩu thường trú: thôn CG, xã ĐS, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; nơi ở hiện nay: thôn VM, xã M, huyện HL, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đỗ Thị D trình bày: về quan hệ hôn nhân, chị và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã Đông Sơn, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, lừa dối. Sau khi kết hôn vợ chồng chung hạnh phúc. Đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân về kinh tế do anh Nguyễn Văn T đi làm ăn nhưng rất ít khi đưa tiền để chị chăm lo cho con và gia

đình, kiếm được bao nhiêu tiền thì anh tiêu hết, chị phải tự lo kinh tế nhưng một mình chị không thể chăm lo được cho cả gia đình. Hơn nữa, khi nghe người ngoài nói xấu chị, anh không hỏi han gì đã đánh chửi, ghen tuông vô cớ, xúc phạm gia đình chị, làng xóm xung quanh đều biết, thậm trí khi công an viên sang làm việc anh đã đánh chị trước mặt họ. Vợ chồng đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn nhưng không được nên hiện đã ly thân mỗi người một cách sống riêng biệt, không còn quan tâm, yêu thương lẫn nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng và yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 22/9/2021. Khi ly hôn chị yêu cầu anh Nguyễn Văn T là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi trường thành đủ 18 tuổi. Chị nhất trí cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng đến khi con trưởng thành theo yêu cầu của anh Nguyễn Văn T.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Theo biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Về quan hệ hôn nhân, quá trình đăng ký kết hôn và cưới hỏi giữa hai vợ chồng như chị Đỗ Thị D trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2019 khi dịch Covid -19 bùng phát, anh quá tập trung vào công việc thiện nguyện, chống dịch Covid -19 nên chị Đỗ Thị D ngăn cản, từ đó vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn hay cãi chửi nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng khi chị Đỗ Thị D bỏ nhà ra ngoài sinh sống một thời gian. Anh, chị đã nói chuyện, hòa giải nên chị Đỗ Thị D đồng ý quay về nhà. Tuy nhiên, chỉ một thời gian sau vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và chị Đỗ Thị D lại chuyển đi sinh sống tại nơi khác, nếu chị đã nhất quyết ly hôn thì anh cũng không níu kéo vì hiện nay vợ chồng đã không còn quan tâm, yêu thương nhau, anh đồng ý ly hôn với chị Đỗ Thị D.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 22/9/2021. Hiện cháu đang ở với anh, khi ly hôn anh đồng ý là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi trường thành đủ 18 tuổi và yêu cầu chị Đỗ Thị D có nghĩa vụ cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng đến khi con trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật; việc thu thập chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án đúng trình tự và đầy đủ và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về tố tụng; nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng theo Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; ý kiến về việc giải quyết vụ án: về quan hệ hôn nhân: đề nghị, áp dụng các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị D, chị Đỗ Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn T; về con chung: căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị giao cháu Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 22/9/2021 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi

dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Đỗ Thị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng thời điểm cấp dưỡng thời điểm cấp dưỡng từ khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, phải chịu lãi suất chậm trả. Nguyên đơn chị Đỗ Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở; về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết; về án phí: Nguyên đơn chị Đỗ Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn T hiện đang sinh sống tại thôn VM, xã M, huyện HL, tỉnh Lạng Sơn, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt, tuy nhiên nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các lời khai, tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và các tài liệu chứng cứ do Toà án thu thập có đủ cơ sở để khẳng định: Năm 2016, chị Đỗ Thị D và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đông Sơn, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của hai vợ chồng đã có mâu thuẫn, chị Đỗ Thị D cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về kinh tế dẫn đến bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã. Anh Nguyễn Văn T không lo vun vén gia đình, thậm trí còn chửi bới đánh đập và xúc phạm gia đình chị; còn anh Nguyễn Văn T cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, chị Đỗ Thị D đã hai lần chuyển ra ngoài sinh sống. Hiện không ai còn quan tâm, yêu thương nhau. Xét thấy, mục đích hôn nhân là xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, vợ chồng hòa thuận, tin tưởng, thương yêu nhau nhưng cuộc hôn nhân của anh chị đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ. Qúa trình giải quyết vụ án, anh chị đều xác định không còn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình chung sống, chị Đỗ Thị D và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là cháu Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 22/9/2021. Anh Nguyễn Văn T yêu cầu là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Đỗ Thị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), thời điểm cấp dưỡng tính từ khi Bản án của Tòa án có hiệu lực

pháp luật. Chị Đỗ Thị D có quyền thăm nom con không ai được cản trở. Qúa trình giải quyết vụ án, chị Đỗ Thị D đã nhất trí với yêu cầu này của anh Nguyễn Văn T. Xét thấy, ý kiến của các đương sự phù hợp với các Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đỗ Thị D không yêu cầu giải quyết; anh Nguyễn Văn T trình bày vợ chồng có 01 mảnh đất tại thôn VM, xã M, huyện HL, tỉnh Lạng Sơn, có 01 ngôi nhà cấp 4 cùng toàn bộ đồ dùng trong gia đình, 01 ô tô tải, 01 ô tô con và nhiều khoản nợ chung. Tòa án đã hướng dẫn anh Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu phản tố và cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung. Đồng thời, ban hành Thông báo về việc giao nộp tài liệu chứng cứ, tuy nhiên anh Nguyễn Văn T không thực hiện, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp có tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí căn cứ điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, chị Đỗ Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

[9] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Đỗ Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 22/9/2021 đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị Đỗ Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trường hợp vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Chị Đỗ Thị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Nguyễn Tấn Ph là 1.000.000đồng/tháng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Thời gian cấp dưỡng được thực hiện kể từ khi Bản án của Tòa án có hiệu lực thi hành.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng vời thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con để nộp ngân sách Nhà nước. Chị Đỗ Thị D đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm án phí, lệ phí Tòa án số 0004862 ngày 24/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hữu lũng, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi khấu trừ, chị Đỗ Thị D còn phải nộp tiếp 300.000 đồng tiền án phí để nộp ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THA dân sự huyện Hữu Lũng;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Đông Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Ngô Thảo Nguyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Tiến Dũng **Trương Thị Khung** **Ngô Thảo Nguyên**